

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/HS-ST
Ngày: 31 – 10 – 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bầy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chiêu.

Bà Hoàng Thị Len.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Ngà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 38/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HS, ngày 19 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Triệu Văn Đ, sinh ngày 13 tháng 9 năm 1998, tại xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố không xác định và con bà Triệu Thị P; vợ con chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Không có án tích; bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định từ ngày 13/8/2018 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Bà Bàn Thị Q, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Triệu Minh T, sinh ngày 14/7/2002, địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu tháng 8 năm 2018, Triệu Văn Đ (là con của chị gái anh Triệu Văn N) đến ở cùng gia đình anh Triệu Văn N và bà Bàn Thị Q. Khoảng 10 giờ, ngày 07/8/2018 do biết anh N và chị Q đi rừng hai cây, không có ai ở nhà nên Triệu Văn Đ đã trèo tường ngăn cách giữa hai phòng ngủ để vào phòng của bà Q để trộm cắp tài sản, Đ lục tìm trong túi vải ở dưới đệm thấy nhiều tiền nhưng chỉ lấy đi một tờ mệnh giá 500.000đ và một tờ 100 nhân dân tệ tiền Trung Quốc. Số tiền lấy được Đ đến cửa hàng vàng bạc T ở thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đổi 100 tiền nhân dân tệ được 310.000đ tiền Việt Nam, rồi đến cửa hàng điện thoại H ở thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn chuộc lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel mà Đ cầm cố trước đó với số tiền 530.000đ. Số tiền còn lại Đ chi tiêu cá nhân hết. Đến khoảng 9 giờ ngày 10/8/2018, Triệu Văn Đ từ thị trấn Y, huyện N về thấy cửa nhà khóa, Đ biết bà Q hay cất giấu chìa khóa ở trong ống tre trước cửa bếp, nên đã mở cửa nhà rồi chèo vào phòng ngủ của bà Q tìm chiếc túi vải ở dưới đệm, lấy đi hai tờ tiền mệnh giá 500.000đ và 04 tờ mệnh giá 100 nhân dân tệ tiền Trung Quốc. Số tiền còn lại khoảng 2.000.000đ, Đ để lại chỗ cũ và sau đó đến cửa hàng V ở thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn đổi 400 nhân dân tệ sang tiền Việt Nam được 1.280.000đ để chi tiêu cá nhân.

Ngày 21/8/2018, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn xác định tại thời điểm ngày 07/8/2018, giá trị quy đổi tiền nhân dân tệ của Trung Quốc sang tiền đồng Việt Nam thì 100 nhân dân tệ đổi được 333.200VNĐ; ngày 10/8/2018 giá trị quy đổi tiền nhân dân tệ của Trung Quốc với 400 nhân dân tệ đổi sang tiền đồng Việt Nam được 1.329.600VNĐ. Tổng số tiền 500 nhân dân tệ đổi ra tiền Việt Nam bằng 1.662.800VNĐ.

Theo bà Bàn Thị Q khai báo số tiền bị mất là 500NDT tiền Trung Quốc và 2.500.000đ tiền Việt Nam. Cơ quan Điều tra đã xác định và chứng minh được Đ đã trộm cắp của bà Q với tổng số tiền quy đổi sang tiền Việt Nam là 3.162.800đ.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSTĐ ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Triệu Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Bị hại Bàn Thị Q thừa nhận lời khai của bị cáo là đúng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền đã trộm cắp như cáo trạng đã quy kết cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s, khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, tuyên bố bị cáo Triệu Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo

Triệu Văn Đ từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 13/8/2018.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu chiếc điện thoại do phạm tội mà có; tạm giữ số tiền 50.000đ của bị cáo để bảo đảm thi hành án;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho bà Bàn Thị Q số tiền 3.162.800đ và bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Đ nhất trí với lời luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và mức hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Triệu Văn Đ nhất trí với lời bào chữa của Luật sư; bị cáo và bị hại không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa, bị cáo Triệu Văn Đ khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có cơ sở để xác định được trong các ngày 07/8/2018 và ngày 10/8/2018, Triệu Văn Đ đã có hành vi lén lút lấy số tiền 500 nghìn đồng và 1.500.000đồng của bà Bàn Thị Q. Do đó, hành vi của bị cáo Triệu Văn Đ đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Triệu Văn Đ là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của Luật sư cho bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng, mức hình phạt phải dựa trên

cơ sở căn cứ về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như đánh giá về nhân thân của bị cáo, để đảm bảo hình phạt vừa mang tính trừng trị nhưng cũng phải mang tính giáo dục và công bằng. Do đó, để có mức án thỏa đáng, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nhận thức được hành vi do mình gây ra là vi phạm pháp luật, nhưng thay vì có hành vi cư xử đúng mực với vợ chồng bác ruột của mình, người đã cưu mang bị cáo, cho bị cáo ăn ở tại nhà thì bị cáo lại chọn cách cư xử trái pháp luật và trái với đạo đức xã hội. Hành vi của bị cáo cần phải đưa xét xử trước pháp luật, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung; về nhân thân, bị cáo không có án tích; về tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo từ nhỏ sống cùng mẹ, tuy học hết lớp 2 nhưng không biết viết chữ, sống ở vùng sâu của huyện biên giới, nhận thức pháp luật có phần hạn chế và là người dân tộc dao, là dân tộc thiểu số trong các dân tộc của tỉnh Lạng Sơn. Số tiền bị cáo trộm cắp là 3.162.800đ, chỉ trên mức khởi điểm làm căn cứ để khởi tố, truy tố và xét xử đối với bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử cho rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt trên mức khởi điểm trong khung hình phạt là đủ tính giáo dục riêng, răn đe và phòng ngừa chung. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo có phần nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về điều kiện kinh tế của bị cáo ngày 07/9/2018 thể hiện bị cáo không sở hữu tài sản, sống trong gia đình thuộc hộ nghèo của xã. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Cần áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Trả lại cho bà Bàn Thị Q số tiền 50.000đ đã thu giữ của bị cáo, đây là số tiền do trộm cắp được, không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị tạm giữ để bảo đảm thi hành án đối với bị cáo. Tịch thu chiếc điện thoại do bị cáo phạm tội mà có là có căn cứ cần chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi đã trừ đi số tiền bị thu giữ trả lại cho bị hại, cần buộc bị cáo phải hoàn trả tiếp số tiền 3.112.800đ cho bà Bàn Thị Q.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo Triệu Văn Đ bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, về án phí dân sự, căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn tiền án phí dân sự cho bị cáo. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 173, các điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Áp dụng điểm đ, Điều 12; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Triệu Văn Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13/8/2018. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải hoàn trả tiếp cho bà Bàn Thị Q số tiền 3.112.800đ (ba triệu một trăm mười hai nghìn tám trăm đồng).

3. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bà Bàn Thị Q số tiền 50.000đ, theo Ủy nhiệm chi số 18, ngày 12/10/2018, giữa đơn vị trả tiền là Công an huyện Trảng Định và đơn vị nhận tiền là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước một chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng vỏ màu xám, nhãn hiệu Masstel đã qua sử dụng.

(theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/10/2018 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn).

4. Về án phí:

Bị cáo Triệu Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước. Miễn tiền án phí dân sự cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Triệu Văn Đ, bị hại Bàn Thị Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Triệu Minh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (qua nhà tạm giữ);
- Bị hại, người liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bẩy